

Bản án số: 18/2024/HS-ST  
Ngày: 28-3-2024

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN, TỈNH VĨNH LONG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Huỳnh Thanh Hùng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Trần Ngọc Đức

Ông Lê Minh Thu

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Thanh Điền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Phú - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 06/2024/TLST-HS ngày 06 tháng 02 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2024/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 3 năm 2024 đối với các bị cáo:

**Bị cáo thứ nhất: Trương Hoài P**, sinh ngày 06/02/1990 tại thị xã B, tỉnh Vĩnh Long; nơi cư trú: Số E, đường N, tổ E, khóm D, phường T, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn H và bà Nguyễn Thị Kim N (chết); chưa có vợ, con; tiền án: 02 lần. Ngày 21/12/2020 bị Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long xử phạt 06 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”, đến ngày 22/8/2021 chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương (chưa được xóa án tích). Ngày 28/10/2022 bị Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long xử phạt 01 năm tù, về tội “Trộm cắp tài sản”, đến ngày 19/9/2023 chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương (chưa được xóa án tích); tiền sự: 02 lần. Ngày 16/02/2022, bị Công an phường T, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”. Ngày 10/11/2023, bị Công an phường T, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”; nhân thân: Ngày 29/4/2010, Ủy ban nhân dân tỉnh V ra quyết định áp dụng đưa vào cơ sở giáo dục 24 tháng về hành vi “Gây rối trật tự công cộng”. Ngày 24/7/2018 bị Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 12 tháng. Ngày 05/12/2019,

bị Công an phường T, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính số tiền 750.000 đồng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”. Ngày 24/3/2020, bị Công an phường T, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi “Trộm cắp tài sản”; Bị bắt tạm giữ ngày 07/12/2023, tạm giam ngày 13/12/2023, có mặt tại phiên tòa.

*Bị cáo thứ hai:* **Nguyễn Văn V**, sinh ngày 28/3/2002 tại thị xã B, tỉnh Vĩnh Long; nơi cư trú: Tổ A, ấp M, xã M, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N1 và bà Trần Thị T; có vợ Nguyễn Thị Thùy T1 và có 01 con, sinh năm 2023; tiền án: Không; tiền sự: 01 lần, ngày 22/11/2023, bị Công an thị xã B, tỉnh Vĩnh Long ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính số tiền 6.500.000 đồng về hành vi “Cố ý gây thương tích”; nhân thân: Ngày 30/3/2020, bị Công an xã M, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi “Trộm cắp tài sản”. Ngày 26/01/2021 bị Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long xử phạt 09 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, đến ngày 01/7/2021 chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương (đã xóa án tích); Bị bắt tạm giữ ngày 07/12/2023, tạm giam ngày 13/12/2023, có mặt tại phiên tòa.

*Bị cáo thứ ba:* **Phạm Trường T2**, sinh ngày 05/6/1986 tại thị xã B, tỉnh Vĩnh Long; nơi cư trú: Số F, đường N, tổ B, khóm B, phường T, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Thành T3 (chết) và bà Trần Thị S; có vợ Nguyễn Thị Ngọc L (đã ly hôn) và có 02 con (sinh năm 2011 và sinh năm 2019); tiền án: 01 lần. Ngày 27/11/2019 bị Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long xử phạt 01 năm tù, về tội “Trộm cắp tài sản”, đến ngày 09/8/2021 chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương (chưa được xóa án tích); tiền sự: 02 lần. Ngày 14/3/2023, bị Công an tỉnh V ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính số tiền 15.000.000 đồng về hành vi “Tàng trữ trái phép công cụ hỗ trợ”. Ngày 22/11/2023, bị Công an thị xã B, tỉnh Vĩnh Long ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính số tiền 2.500.000 đồng về hành vi “Xúi giục, kích động người khác cố ý gây thương tích”; nhân thân: Ngày 03/4/2018, bị Công an phường T, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính số tiền 750.000 đồng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”. Ngày 29/10/2019, bị Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm, xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Bị bắt tạm giữ ngày 07/12/2023, tạm giam ngày 13/12/2023, có mặt tại phiên tòa.

*Bị cáo thứ tư:* **Phạm Văn N2**, sinh ngày 20/10/1986 tại thị xã B, tỉnh Vĩnh Long; nơi cư trú: Tổ F, ấp T, xã T, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn C và bà Nguyễn Thị K; có vợ Lương Thị Ú và có 02 con (sinh năm 2009 và sinh năm 2017); tiền án: Không; tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ ngày 07/12/2023, đến ngày 13/12/2023 Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân hủy bỏ biện pháp gia hạn tạm giữ, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B, tỉnh Vĩnh Long ra Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 13/12/2023; Bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1. Anh **Nguyễn Văn H1**, sinh năm 1976. Nơi cư trú: Tổ E, ấp M, xã M, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. (vắng mặt)

2. Anh **Lại Văn T4**, sinh năm 1975. Nơi cư trú: Ấp M, xã N, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. (có mặt)

3. Anh **Nguyễn Văn Thanh T5**, sinh năm 1975. Nơi cư trú: Ấp H, xã N, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Anh **Lê Thanh P1**, sinh năm 1980. Nơi cư trú: Ấp P, xã S, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. (vắng mặt)

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trương Hoài P và Nguyễn Văn V là bạn bè thường sử dụng ma túy chung. Để có tiền tiêu xài và mua ma túy sử dụng thì Trương Hoài P và Nguyễn Văn V rủ nhau đi đến địa bàn huyện B, tỉnh Vĩnh Long để tìm tài sản lấy trộm. Cả hai cùng bàn bạc, thống nhất mượn xe mô tô loại Wave 110 màu xanh đen, gắn biển số 64H2 - 4306 của Bùi Hoàng V1 ở ấp T, xã T, huyện P, thành phố Cần Thơ làm phương tiện đi trộm cắp tài sản và giao nhiệm vụ cho V điều khiển xe chở Trương Hoài P. Khi đi phát hiện tài sản thì Trương Hoài P vào lấy trộm, còn V thì ở ngoài xe cảnh giới và canh đường. Trương Hoài P và Nguyễn Văn V đã thực hiện 03 vụ trộm cắp xe mô tô, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng 03 giờ sáng, ngày 05/12/2023, Nguyễn Văn V điều khiển xe mô tô loại Wave 110 màu xanh đen, gắn biển số 64H2 - 4306 chở Trương Hoài P đến huyện B, tỉnh Vĩnh Long để tìm tài sản lấy trộm. Khi điều khiển xe đi đến nhà của anh Nguyễn Thanh N3 (thuộc ấp M, xã M, huyện B, tỉnh Vĩnh Long) thì phát hiện 01 xe mô tô loại Wave RS, màu đỏ đen biển số 64B1 - 420.02 của anh Nguyễn Văn H1 đậu trước sân nhà của anh N3 không có người trông giữ, trên xe có gắn sẵn chìa khóa. Thấy vậy, V dừng xe lại canh đường, còn Trương Hoài P thì đi vào lén lút lấy trộm chiếc xe, khi đi đến chỗ xe đậu Trương Hoài P dùng tay mở khóa xe nhưng xe không nổ máy nên Trương Hoài P dẫn chiếc xe ra lộ nhựa bứt dây max để nổ máy nhưng không được. Trương Hoài P và Nguyễn Văn V mới đẩy chiếc xe biển số 64B1 - 420.02 về nhà trọ của Phạm Trường T2 ở tổ C, khóm Đ, phường Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long bán cho T2 với giá là 1.400.000 đồng. T2 biết rõ xe mô tô này do Trương Hoài P và Nguyễn Văn V trộm cắp mà có (vì V có nói xe này vừa lấy trộm được) T2 vẫn đồng ý mua với số tiền 1.400.000 đồng.

Sau khi mua xe, T2 chụp hình chiếc xe bằng điện thoại di động rồi gửi hình chào bán cho anh Hồ Minh T6 ở ấp P, xã S, huyện T, tỉnh Vĩnh Long nhưng T6 không mua mà giới thiệu cho anh Lê Thanh P1 ở ấp P, xã S, huyện T, tỉnh Vĩnh Long và chỉ đường cho anh Lê Thanh P1 đến nhà trọ của T2 gặp T2 để mua xe về sử dụng. Anh Lê Thanh P1 mua xe mô tô biển số 64B1 - 420.02 do T2 bán với số tiền là 1.900.000 đồng.

Bán được xe, T2 trả tiền mua xe cho Trương Hoài P số tiền 1.400.000 đồng, rồi Trương Hoài P chia cho V số tiền 600.000 đồng.

Vụ thứ hai: Khoảng 5 giờ 30 phút ngày 05/12/2023, V điều khiển xe mô tô loại Wave 110 màu xanh đen, gắn biển số 64H2 - 4306 chở Trương Hoài P đến huyện B, tỉnh Vĩnh Long để tìm tài sản lấy trộm. Khi điều khiển xe đi đến căn chòi giữ vườn thuộc ấp M, xã M, huyện B, tỉnh Vĩnh Long thì thấy chiếc xe mô tô loại Wave Alpha màu đỏ đen, biển số 64B1 - 708.63 của anh Lại Văn T4 đậu trong chòi, không có người trông giữ. Vàng dừng xe lại đứng canh đường, còn Trương Hoài P đi vào căn chòi, đi đến chỗ đậu xe mô tô biển số 64B1 - 708.63 lén lút lấy trộm xe rồi bứt dây max đề xe nổ máy chạy về nhà trọ 666 của V thuê ở thuộc khóm Đ, phường Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long cất giấu. Sau đó, Trương Hoài P và Nguyễn Văn V nhờ T2 chào bán xe này với giá 2.000.000 đồng và nói cho T2 biết xe này do lấy trộm có được thì T2 cũng đồng ý bán.

Đến khoảng 11 giờ cùng ngày, T2 bán xe mô tô biển số 64B1 - 708.63 cho Phạm Văn N2 với số tiền là 2.000.000 đồng. Khi mua xe N2 có hỏi và biết rõ xe do trộm cắp mà có nên N2 đem xe về nhà rồi dùng dụng cụ tháo rời toàn bộ từng bộ phận chiếc xe mô tô ra để dùng bị phát hiện.

Sau khi bán xe cho N2 được số tiền 2.000.000 đồng thì T2 đưa tiền trả cho Trương Hoài P, rồi Trương Hoài P cho T2 lại số tiền 150.000 đồng và chia cho V số tiền 1.000.000 đồng.

Vụ thứ ba: Vào khoảng 05 giờ sáng ngày 06/12/2023, V điều khiển xe mô tô loại Wave 110 màu xanh đen, gắn biển số 64H2 - 4306 chở Trương Hoài P đến huyện B, tỉnh Vĩnh Long để tìm tài sản lấy trộm như những lần trước. Khi điều khiển xe đến đoạn đường đal thuộc ấp H, xã N, huyện B, tỉnh Vĩnh Long thì nhìn thấy chiếc xe mô tô loại Blade màu đen xám, biển số 64K1 - 139.00 của anh Nguyễn Văn Thanh T5 đậu ở cặp lộ đal, không có người trông giữ. Vàng đứng ở ngoài xe canh đường, còn Trương Hoài P đi đến chỗ đậu xe, lén lút bứt dây max đề xe rồi nổ máy điều khiển xe đi về cất giấu tại nhà trọ 666, rồi Trương Hoài P tháo biển số xe 64K1 - 139.00 ra thay vào biển số xe 65H6 - 3445 và chụp ảnh xe gửi cho Phạm Trường T2 nhờ bán dùm (nhưng chưa bán được) thì bị lực lượng Công an phát hiện thu giữ chiếc xe và những vật chứng có liên quan.

Anh Nguyễn Văn H1, anh Lại Văn T4 và anh Nguyễn Văn Thanh T5 khi phát hiện xe mô tô bị mất trộm đã đến Công an xã trình báo sự việc.

Căn cứ vào kết luận định giá tài sản số 42, 43, 44/KLĐGTS ngày 08/12/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện B kết luận: 01 xe mô tô biển số 64B1 - 420.02 có giá trị là 5.500.000 đồng; 01 xe mô tô biển số 64B1 - 708.63 có giá trị là 6.000.000 đồng; 01 xe mô tô biển số 64K1 - 139.00 có giá trị là 7.500.000 đồng. Tổng tài sản bị mất trộm có giá trị chung là 19.000.000 đồng.

Qua điều tra, Trương Hoài P, Nguyễn Văn V đều thừa nhận hành vi trộm cắp xe mô tô của anh H1, anh T4 và anh T5 như trên. Còn Phạm Trường T2 biết rõ 03 xe mô tô mà Trương Hoài P và Nguyễn Văn V nhờ bán là xe do trộm cắp mà có nhưng T2 vẫn đem xe bán cho Phạm Văn N2 và Lê Thanh P1. Còn Phạm Văn N2

biết rõ xe mô tô mà T2 bán là xe do trộm cắp mà có nhưng vẫn đồng ý mua. Riêng Lê Thanh P1 có mua 01 chiếc xe do T2 bán với giá 1.900.000 đồng, nhưng P1 không hỏi cũng không trao đổi với T2 là xe do đâu mà có, P1 chỉ thấy xe có giá rẻ nên mua về sử dụng.

Xét thấy đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên ngày 09/12/2023, 12/12/2023 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Trương Hoài P, Nguyễn Văn V về tội “Trộm cắp tài sản”; Phạm Trường T2, Phạm Văn N2 về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” và ra Lệnh tạm giam đối với Trương Hoài P, Nguyễn Văn V, Phạm Trường T2, còn Phạm Văn N2 ra Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú để điều tra cho đến nay.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã chứng minh, giải quyết được như sau:

Đối với 01 chiếc xe mô tô loại Wave RS của anh H1, 01 chiếc xe mô tô Wave Alpha màu đỏ đen biển số 64B1 - 708.63 của anh T4, 01 chiếc xe mô tô loại Blade của anh T5. Cơ quan điều tra thu hồi về định giá và đã trả lại cho anh H1, anh T4 và anh T5.

Đối với biển số xe 64B1 - 420.02 và biển số xe 64K1 - 139.00 Phạm Văn N2 và Trương Hoài P đã tháo bỏ mất, Cơ quan điều tra không thu hồi được.

Đối với 01 chiếc xe mô tô có gắn biển số 64H2 - 4306 (là biển số của xe khác), loại xe Wave 110, có số khung: Không xác định, số máy: VHLFM152FMHV124299 là của anh Bùi Hoàng V1 ở ấp T, xã T, huyện P, thành phố Cần Thơ cho Nguyễn Văn V và Trương Hoài P mượn. Hiện tại, anh Bùi Hoàng V1 không có mặt ở địa phương nên Cơ quan điều tra chưa làm việc được. Còn biển số xe 64H2 - 4306 qua xác minh là của anh Nguyễn Văn N1, sinh năm 1978 ở ấp M, xã M, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long. Biển số xe 65H6 - 3445 Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhưng chưa xác định chủ sở hữu. Cơ quan điều tra đã trả lại biển số xe 64H2 - 4306 cho anh N1; cần giao xe mô tô loại xe Wave 110, có số khung: Không xác định, số máy: VHLFM152FMHV124299 và biển số 65H6- 3445 cho Cơ quan điều tra tiếp tục tạm giữ, khi nào làm rõ, xử lý sau.

Đối với 01 chiếc xe mô tô biển số 64H1 - 064.21 thu giữ tại nhà trọ của Phạm Trường T2. Qua xác minh là của anh Bùi Hạo V2, sinh năm 2006 ở ấp T, xã T, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long. Cơ quan điều tra đã trả lại xe cho anh V2.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu “IQ00” thu của Phạm Văn N2; 01 điện thoại di động hiệu S1 và số tiền 400.000 đồng thu của Phạm Trường T2. T2 và N2 sử dụng điện thoại để liên lạc mua bán xe lấy trộm, còn số tiền 400.000 đồng là tiền bán xe trộm cắp có được. Cần tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

Đối với số tiền 3.900.000 đồng (trong đó của Trương Hoài P là 1.650.000 đồng, của Nguyễn Văn V là 1.600.000 đồng, của Phạm Trường T2 là 650.000 đồng) do các đối tượng bán xe mô tô trộm cắp có được là tiền thu lợi bất chính, cần tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

Đối với anh Hồ Minh T6, có giới thiệu cho anh Lê Thanh P1 đến gặp Phạm Trường T2 mua xe, nhưng hiện tại anh T6 không có mặt ở địa phương, Cơ quan điều tra chưa làm việc được, khi nào làm rõ xử lý sau.

Đối với anh Lê Thanh P1 không biết được xe mô tô mà Phạm Trường T2 bán là xe do trộm cắp mà có, nên không có cơ sở để xử lý anh Lê Thanh P1.

Quá trình điều tra Cơ quan điều tra có sao chép vào 01 đĩa DVD đoạn ghi hình tại nhà trọ 666, thời điểm các đối tượng trộm cắp xe rồi đem về cất giấu, cần lưu theo hồ sơ để làm chứng cứ.

Về trách nhiệm dân sự:

Đối với anh Nguyễn Văn H1 đã nhận lại 01 xe mô tô loại Wave RS, màu đỏ đen; anh Lại Văn T4 đã nhận lại 01 xe mô tô loại Wave Alpha màu đỏ đen, biển số 64B1 - 708.63 cùng giấy chứng nhận đăng ký xe; anh Nguyễn Văn Thanh T5 đã nhận lại 01 xe mô tô loại Blade, màu đen xám. Sau khi nhận lại tài sản bị mất trộm thì anh H1, anh T4 và anh T5 không yêu cầu gì thêm.

Anh Lê Thanh P1 đã đưa cho Phạm Trường T2 số tiền 1.900.000 đồng để mua xe mô tô loại Wave RS, màu đỏ đen. Hiện nay xe mô tô loại Wave RS, màu đỏ đen Cơ quan điều tra đã thu hồi và đã trả lại cho chủ sở hữu, anh Lê Thanh P1 không yêu cầu Phạm Trường T2 trả lại số tiền 1.900.000 đồng.

Tại cáo trạng số: 14/CT-VKSBT ngày 05/02/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long đã truy tố bị cáo Trương Hoài P về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a, g khoản 2 Điều 173; truy tố bị cáo Nguyễn Văn V về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 2 Điều 173; truy tố các bị cáo Phạm Trường T2, Phạm Văn N2 về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, sau khi phân tích các yếu tố cấu thành tội phạm, tính chất, mức độ hành vi phạm tội, hậu quả, nhân thân của các bị cáo, năng lực trách nhiệm hình sự, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Trương Hoài P về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a, g khoản 2 Điều 173; truy tố bị cáo Nguyễn Văn V về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 2 Điều 173; truy tố các bị cáo Phạm Trường T2, Phạm Văn N2 về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Trương Hoài P, Nguyễn Văn V phạm tội “Trộm cắp tài sản”; các bị cáo Phạm Trường T2, Phạm Văn N2 phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Về hình phạt chính:

- Căn cứ điểm a, g khoản 2 Điều 173; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Đề nghị xử phạt bị cáo Trương Hoài P từ 02 năm 06 tháng tù đến 03 năm tù.

- Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 173; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn V từ 02 năm tù đến 02 năm 06 tháng tù.

- Căn cứ khoản 1 Điều 323; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Trường T2 từ 01 năm tù đến 01 năm 06 tháng tù.

- Căn cứ khoản 1 Điều 323; Điều 36; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Văn N2 từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ.

Về hình phạt bổ sung:

Xét thấy các bị cáo Trương Hoài P, Nguyễn Văn V, Phạm Trường T2 và bị cáo Phạm Văn N2 có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, đề nghị Hội đồng xét xử miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo và miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Phạm Văn N2.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ các Điều 584, 585, 589 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Anh Nguyễn Văn H1 đã nhận lại 01 xe mô tô loại Wave RS, màu đỏ đen; anh Lại Văn T4 đã nhận lại 01 xe mô tô loại Wave Alpha màu đỏ đen, biển số 64B1 - 708.63 cùng giấy chứng nhận đăng ký xe; anh Nguyễn Văn Thanh T5 đã nhận lại 01 xe mô tô loại Blade, màu đen xám. Sau khi nhận lại tài sản bị mất trộm thì anh H1, anh T4 và anh T5 không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm, đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Anh Lê Thanh P1 đã đưa cho bị cáo Phạm Trường T2 số tiền 1.900.000 đồng để mua xe mô tô loại Wave RS, màu đỏ đen. Hiện nay xe mô tô loại Wave RS, màu đỏ đen Cơ quan điều tra đã thu hồi và đã trả lại cho chủ sở hữu, anh Lê Thanh P1 tự nguyện không yêu cầu bị cáo Phạm Trường T2 trả lại số tiền 1.900.000 đồng, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của anh Lê Thanh P1.

Về biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017); Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận việc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B, tỉnh Vĩnh Long trả lại 01 chiếc xe mô tô loại Wave RS cho anh Nguyễn Văn H1; trả lại 01 chiếc xe mô tô Wave Alpha màu đỏ đen, biển số 64B1 - 708.63 cùng giấy chứng nhận đăng ký xe cho anh Lại Văn T4; trả lại 01 chiếc xe mô tô loại Blade cho anh Nguyễn Văn Thanh T5.

Đối với biển số xe 64B1 - 420.02 và biển số xe 64K1 - 139.00 bị cáo Phạm Văn N2 và bị cáo Trương Hoài P đã tháo bỏ mất, Cơ quan điều tra không thu hồi được, đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Đề nghị Hội đồng xét xử giao xe mô tô loại xe Wave 110, có số khung: Không xác định, số máy: VHLFM152FMHV124299 và biển số xe 65H6 - 3445 cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B tiếp tục tạm giữ, khi nào làm rõ, xử lý sau.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu “IQ00” màu đen thu của bị cáo Phạm Văn N2; 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu đen (màng hình bị nứt) và số tiền 400.000 đồng thu của bị cáo Phạm Trường T2. Bị cáo T2 và bị cáo N2 sử dụng điện thoại để liên lạc mua bán xe lấy trộm, còn số tiền 400.000 đồng là tiền thu lợi bất chính từ việc bán xe trộm cắp có được, đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo Trương Hoài P nộp số tiền 1.650.000 đồng, buộc bị cáo Nguyễn Văn V nộp số tiền 1.600.000 đồng và buộc bị cáo Phạm Trường T2 nộp số tiền 250.000 đồng để sung vào Ngân sách Nhà nước vì đây là tiền thu lợi bất chính.

Quá trình điều tra Cơ quan điều tra có sao chép vào 01 đĩa DVD đoạn ghi hình tại nhà trọ 666, thời điểm các đối tượng trộm cắp xe rồi đem về cất giấu, cần lưu theo hồ sơ để làm chứng cứ.

Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Trương Hoài P, Nguyễn Văn V, Phạm Trường T2 và bị cáo Phạm Văn N2, mỗi bị cáo nộp số tiền 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo Trương Hoài P, Nguyễn Văn V, Phạm Trường T2 và bị cáo Phạm Văn N2 khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long đã truy tố, các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nói lời sau cùng các bị cáo Trương Hoài P, Nguyễn Văn V, Phạm Trường T2 và bị cáo Phạm Văn N2 xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại anh Lại Văn T4 trình bày: Anh đã nhận lại 01 xe mô tô loại Wave Alpha màu đỏ đen, biển số 64B1 - 708.63 cùng giấy chứng nhận đăng ký xe, anh T4 không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm. Về trách nhiệm hình sự anh T4 yêu cầu xử lý các bị cáo theo quy định pháp luật.

Bị hại anh Nguyễn Văn Thanh T5 trình bày: Anh đã nhận lại 01 xe mô tô loại Blade, màu đen xám, anh T5 không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm. Về trách nhiệm hình sự anh T5 yêu cầu xử lý các bị cáo theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Vĩnh Long, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục do Bộ luật tố tụng hình sự quy định. Qua quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố



tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Trong vụ án, bị hại anh Nguyễn Văn H1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Lê Thanh P1 đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt. Bị hại anh Nguyễn Văn H1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Lê Thanh P1 đã có lời khai tại Cơ quan điều tra. Xét thấy, việc vắng mặt bị hại anh Nguyễn Văn H1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Lê Thanh P1 không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021).

[3] Xét lời khai nhận của các bị cáo Trương Hoài P, Nguyễn Văn V, Phạm Trường T2 và bị cáo Phạm Văn N2 tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, lời khai của các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, biên bản khám nghiệm hiện trường, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa. Có đủ căn cứ xác định: Bị cáo Trương Hoài P và bị cáo Nguyễn Văn V là bạn bè với nhau. Để có tiền tiêu xài và mua ma túy sử dụng cả hai bị cáo cùng bàn bạc, thống nhất mượn xe mô tô loại Wave 110 màu xanh đen, gắn biển số 64H2 - 4306 của Bùi Hoàng V1 ở ấp T, xã T, huyện P, thành phố Cần Thơ làm phương tiện đi trộm cắp tài sản và giao nhiệm vụ cho bị cáo V điều khiển xe chở bị cáo Trương Hoài P đi đến địa bàn huyện B, tỉnh Vĩnh Long tìm tài sản lấy trộm rồi đem bán cho bị cáo Phạm Trường T2 và bị cáo Phạm Văn N2. Bị cáo Trương Hoài P và bị cáo Nguyễn Văn V đã thực hiện được 03 vụ trộm cắp tài sản, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng 03 giờ sáng ngày 05/12/2023, bị cáo Nguyễn Văn V điều khiển xe mô tô loại Wave 110, gắn biển số 64H2 - 4306 chở bị cáo Trương Hoài P đến huyện B, tỉnh Vĩnh Long để tìm tài sản lấy trộm. Khi điều khiển xe đến nhà của anh Nguyễn Thanh N3 thuộc ấp M, xã M, huyện B, tỉnh Vĩnh Long thì nhìn thấy chiếc xe mô tô loại Wave RS biển số 64B1 - 420.02 của anh Nguyễn Văn H1 đậu trước sân nhà của anh N3 không có người trông giữ, bị cáo Trương Hoài P và bị cáo Nguyễn Văn V đã lén lút lấy trộm xe mô tô 64B1 - 420.02 rồi đem xe về bán cho bị cáo Phạm Trường T2 với số tiền là 1.400.000 đồng. Rồi bị cáo T2 bán xe lại cho anh Lê Thanh P1 với số tiền là 1.900.000 đồng.

Vụ thứ hai: Khoảng 05 giờ 30 phút cùng ngày 05/12/2023, bị cáo Nguyễn Văn V điều khiển xe mô tô loại Wave 110, gắn biển số 64H2 - 4306 chở bị cáo Trương Hoài P đến huyện B, tỉnh Vĩnh Long để tìm tài sản lấy trộm tiếp. Khi điều khiển xe đi đến căn chòi giữ vườn thuộc ấp M, xã M, huyện B, tỉnh Vĩnh Long thì nhìn thấy chiếc xe mô tô loại Wave Alpha biển số 64B1 - 708.63 của anh Lại Văn T4 đậu trong chòi, không có người trông giữ. Bị cáo Trương Hoài P và bị cáo Nguyễn Văn V đã lén lút lấy trộm xe mô tô biển số 64BI - 708.63 của anh T4 rồi đem về nhờ bị cáo T2 bán xe vừa trộm được. Bị cáo T2 bán xe cho bị cáo Phạm Văn N2 với số tiền là 2.000.000 đồng.

Bị cáo Phạm Văn N2 biết rõ xe do trộm cắp mà có nhưng bị cáo N2 vẫn mua rồi đem xe về nhà, sau đó bị cáo N2 dùng dụng cụ tháo gỡ từng bộ phận của chiếc xe mô tô biển số 64B1 - 708.63 ra để dùng bị phát hiện.

Vụ thứ ba: Khoảng 05 giờ sáng ngày 06/12/2023, bị cáo Nguyễn Văn V điều khiển xe mô tô loại Wave 110 gắn biển số 64H2 - 4306 chở bị cáo Trương Hoài P đến huyện B, tỉnh Vĩnh Long để tìm tài sản lấy trộm như những lần trước. Khi điều khiển xe đi đến đoạn đường đèo thuộc ấp H, xã N, huyện B, tỉnh Vĩnh Long thì nhìn thấy chiếc xe mô tô loại Blade biển số 64K1 - 139.00 của anh Nguyễn Văn Thanh T5 đậu ở cặp lộ đèo, không có người trông giữ. Bị cáo Trương Hoài P và bị cáo Nguyễn Văn V lén lút lấy trộm xe mô tô 64K1 - 139.00 của anh T5 đem về cất giấu tại nhà trọ 666 rồi chụp ảnh xe gửi cho bị cáo Phạm Trường T2 nhờ bán dùm, nhưng chưa bán được thì bị lực lượng Công an phát hiện bắt giữ.

Căn cứ vào kết luận định giá tài sản thì xe mô tô biển số 64B1 - 420.02 có giá trị là 5.500.000 đồng; xe mô tô biển số 64B1 - 708.63 có giá trị là 6.000.000 đồng; xe mô tô biển số 64K1 - 139.00 có giá trị là 7.500.000 đồng. Tổng tài sản bị lấy trộm có giá trị chung là 19.000.000 đồng.

Bị cáo Phạm Trường T2 không hứa hẹn trước với bị cáo Trương Hoài P, bị cáo Nguyễn Văn V về việc mua bán xe. Sau khi bị cáo Trương Hoài P, bị cáo Nguyễn Văn V lấy trộm được 03 chiếc xe mô tô rồi bán xe mô tô loại Wave RS biển số 64B1 - 420.02 cho bị cáo T2 và nhờ bị cáo T2 bán dùm xe mô tô loại Wave Alpha biển số 64B1 - 708.63 và xe mô tô loại Blade biển số 64K1 - 139.00 thì bị cáo T2 biết rõ xe do trộm cắp mà có nhưng vẫn đồng ý mua xe và bán xe dùm cho bị cáo Trương Hoài P và bị cáo Nguyễn Văn V.

Bị cáo T2 còn bán chiếc xe mô tô loại Wave RS cho anh Lê Thanh P1 và bán xe mô tô loại Wave Alpha cho bị cáo Phạm Văn N2. Còn xe mô tô loại Blade, biển số 64K1 - 139.00 bị cáo T2 chưa kịp bán thì bị Công an phát hiện thu giữ.

Bị cáo Phạm Văn N2 khi mua xe biết rõ xe mô tô loại Wave Alpha do bị cáo T2 bán là xe trộm cắp mà có nhưng vẫn đồng ý mua để sử dụng.

Như vậy, bị cáo Phạm Trường T2 đã tham gia bán 03 xe mô tô do bị cáo Trương Hoài P và bị cáo Nguyễn Văn V trộm cắp, có giá trị là 19.000.000 đồng; bị cáo Phạm Văn N2 mua 01 xe mô tô do bị cáo Trương Hoài P và bị cáo Nguyễn Văn V trộm cắp, có giá trị là 6.000.000 đồng.

Trong vụ án này, bị cáo Trương Hoài P và bị cáo Nguyễn Văn V cấu kết chặt chẽ với nhau, bàn bạc, phân công giao nhiệm vụ trước, cụ thể cho từng người, đã chuẩn bị trước phương tiện để phạm tội và các bị cáo chọn thời gian là đêm khuya và sáng sớm để thực hiện 03 vụ trộm trong 02 ngày liên tiếp, lấy trộm 03 xe mô tô, nên hành vi của bị cáo Trương Hoài P và bị cáo Nguyễn Văn V thuộc trường hợp đồng phạm có tổ chức. Ngoài ra, bị cáo Trương Hoài P đã có 02 tiền án chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này thuộc trường hợp “Tái phạm nguy hiểm”.

Do đó, hành vi của bị cáo Trương Hoài P đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a, g khoản 2 Điều 173; hành vi của bị cáo Nguyễn Văn V đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 2 Điều 173 và hành vi

của các bị cáo Phạm Trường T2, Phạm Văn N2 đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại điểm a, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

*“2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.*

*a. Có Tổ chức*

*g. Tái phạm nguy hiểm”.*

Tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự quy định:

*“1. Người nào không hứa hẹn trước mà chứa chấp, tiêu thụ tài sản biết rõ là do người khác phạm tội mà có, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.*

Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long truy tố các bị cáo Trương Hoài P, Nguyễn Văn V, Phạm Trường T2 và bị cáo Phạm Văn N2 với tội danh cùng điều luật nêu trên là có căn cứ, hoàn toàn đúng người, đúng tội.

[4] Về tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội: Tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự ở địa phương; các bị cáo là người đã thành niên, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có đủ sức khỏe để lao động tạo ra của cải, vật chất cho bản thân, nhưng các bị cáo lại lười lao động, chỉ thích hưởng thụ. Các bị cáo Trương Hoài P, Nguyễn Văn V đã lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của các bị hại để thực hiện việc lấy trộm tài sản của các bị hại có tổng giá trị 19.000.000 đồng. Bị cáo Trương Hoài P, Nguyễn Văn V thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt trái phép tài sản của bị hại là trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác, tài sản của người khác là khách thể được luật hình sự bảo vệ, nghiêm cấm mọi hành vi xâm phạm đến, thế nhưng vì ý thức xem thường pháp luật và không tôn trọng tài sản của người khác mà các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Đối với các bị cáo Phạm Trường T2, Phạm Văn N2 không có sự hứa hẹn trước với các bị cáo Trương Hoài P, Nguyễn Văn V, khi nhận các xe mô tô từ bị cáo Trương Hoài P và bị cáo Nguyễn Văn V thì các bị cáo T2, N2 biết rõ là do người giao tài sản phạm tội mà có được tài sản đó nhưng các bị cáo T2, N2 vẫn đồng ý mua và bán hộ tài sản cho các bị cáo Trương Hoài P, Nguyễn Văn V. Hành vi của các bị cáo Phạm Trường T2, Phạm Văn N2 đã xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội. Ngoài ra còn gián tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác. Các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là sai và vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện nhằm mục đích để thỏa mãn nhu cầu cá nhân. Chính vì vậy, các bị cáo Trương Hoài P, Nguyễn Văn V, Phạm Trường T2 và Phạm Văn N2 phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi của mình gây ra.

[5] Về vai trò của các bị cáo trong vụ án: Đây là vụ án có 04 người tham gia, trong đó bị cáo Trương Hoài P, Nguyễn Văn V cấu kết chặt chẽ với nhau, đã chuẩn bị trước phương tiện để phạm tội, giao nhiệm vụ cụ thể và chọn thời gian là đêm

khuya và sáng sớm để thực hiện 03 vụ trộm trong 02 ngày liên tiếp, lấy trộm 03 xe mô tô nên hành vi của bị cáo Trương Hoài P và bị cáo Nguyễn Văn V thuộc trường hợp đồng phạm có tổ chức. Trong đó bị cáo Trương Hoài P là người giữ vai trò chính, là người khởi xướng rủ bị cáo Nguyễn Văn V đi trộm cắp tài sản và trực tiếp vào lấy trộm tài sản; còn bị cáo Nguyễn Văn V là người điều khiển xe chở bị cáo Trương Hoài P đi tìm tài sản lấy trộm, khi phát hiện tài sản định lấy trộm thì bị cáo V ở ngoài làm nhiệm vụ canh giới, canh đường để bị cáo Trương Hoài P vào lấy trộm tài sản, sau khi lấy trộm được tài sản thì cả hai bị cáo đem tài sản trộm được về cất giấu và tìm nơi tiêu thụ. Vì vậy, hành vi của bị cáo Trương Hoài P thực hiện là nguy hiểm nhất rồi đến bị cáo Nguyễn Văn V. Đối với bị cáo Phạm Trường T2 và bị cáo Phạm Văn N2, các bị cáo phạm tội riêng, nhưng bị cáo T2 tham gia tiêu thụ 03 xe mô tô do bị cáo Trương Hoài P và bị cáo Nguyễn Văn V trộm cắp có được, còn bị cáo N2 tham gia tiêu thụ 01 xe mô tô do bị cáo Trương Hoài P và bị cáo Nguyễn Văn V trộm cắp có được, nên hành vi của bị cáo T2 nguy hiểm hơn so với bị cáo N2. Do đó, việc đưa các bị cáo ra xét xử ngày hôm nay là cần thiết, thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật, cần có mức hình phạt nghiêm khắc và cần cách ly các bị cáo Trương Hoài P, Nguyễn Văn V và bị cáo Phạm Trường T2 ra khỏi xã hội một thời gian nhằm răn đe, giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt sau này và phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét, cân nhắc và áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả, hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện có xem xét đến tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo: Bị cáo Trương Hoài P và bị cáo Nguyễn Văn V phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); bị cáo Phạm Trường T2 phạm tội 02 lần trở lên và thuộc trường hợp “Tái phạm” theo quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo: Sau khi phạm tội cả 04 bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; riêng bị cáo Phạm Văn N2 phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn. Cần áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo Trương Hoài P, Nguyễn Văn V và Phạm Trường T2; áp dụng điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Phạm Văn N2.

Xét thấy, bị cáo Phạm Văn N2 có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; nhân thân chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng ở địa phương; bị cáo hiện tại là lao động chính trong gia đình đang nuôi 02 con nhỏ (sinh năm 2009 và sinh năm 2017), bản thân bị cáo bị bệnh tiểu đường tip 2, biến chứng qua gan, vợ bị cáo bị hạn chế lao động (bị khuyết tật) và bị cáo đã nhận thức được hành vi vi phạm nên áp dụng Điều 36 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xử lý các bị cáo Phạm Văn N2 là phù hợp, không cần cách ly khỏi xã hội vẫn đảm bảo việc răn đe, cải tạo, giáo dục đối với bị cáo.

[8] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy, các bị cáo Trương Hoài P, Nguyễn Văn V, Phạm Trường T2, Phạm Văn N2 không có nghề nghiệp ổn định, không có điều kiện về kinh tế, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[9] Về khấu trừ thu nhập: Xét thấy bị cáo N2 hoàn cảnh gia đình khó khăn, không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, bản thân bị cáo đang bị bệnh nên Hội đồng xét xử quyết định miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Phạm Văn N2.

[10] Đối với anh Hồ Minh T6, có giới thiệu cho anh Lê Thanh P1 đến gặp bị cáo Phạm Trường T2 mua xe, nhưng hiện tại anh T6 không có mặt ở địa phương, Cơ quan điều tra chưa làm việc được, khi nào làm rõ xử lý sau.

[11] Đối với anh Lê Thanh P1 không biết được xe mô tô mà bị cáo Phạm Trường T2 bán là xe do trộm cắp mà có, nên không có cơ sở để xử lý anh Lê Thanh P1.

[12] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ các Điều 584, 585, 589 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Anh Nguyễn Văn H1 đã nhận lại 01 xe mô tô loại Wave RS, màu đỏ đen; anh Lại Văn T4 đã nhận lại 01 xe mô tô loại Wave Alpha màu đỏ đen, biển số 64B1 - 708.63 cùng giấy chứng nhận đăng ký xe; anh Nguyễn Văn Thanh T5 đã nhận lại 01 xe mô tô loại Blade, màu đen xám. Sau khi nhận lại tài sản bị mất trộm thì anh H1, anh T4 và anh T5 không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Anh Lê Thanh P1 đã đưa cho bị cáo Phạm Trường T2 số tiền 1.900.000 đồng để mua xe mô tô loại Wave RS, màu đỏ đen. Hiện nay xe mô tô loại Wave RS, màu đỏ đen Cơ quan điều tra đã thu hồi và đã trả lại cho chủ sở hữu, anh Lê Thanh P1 tự nguyện không yêu cầu bị cáo Phạm Trường T2 trả lại số tiền 1.900.000 đồng, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của anh Lê Thanh P1.

[13] Về biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017); Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Chấp nhận việc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B, tỉnh Vĩnh Long trả lại 01 chiếc xe mô tô loại Wave RS cho anh Nguyễn Văn H1; trả lại 01 chiếc xe mô tô Wave Alpha màu đỏ đen, biển số 64B1 - 708.63 cùng giấy chứng nhận đăng ký xe cho anh Lại Văn T4; trả lại 01 chiếc xe mô tô loại Blade cho anh Nguyễn Văn Thanh T5.

Đối với biển số xe 64B1 - 420.02 và biển số xe 64K1 - 139.00 bị cáo Phạm Văn N2 và bị cáo Trương Hoài P đã tháo bỏ mất, Cơ quan điều tra không thu hồi được, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Giao xe mô tô loại xe Wave 110, có số khung: Không xác định, số máy: VHLFM152FMHV124299 và biển số xe 65H6 - 3445 cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B tiếp tục tạm giữ, khi nào làm rõ xử lý sau.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu “IQ00” màu đen thu của bị cáo Phạm Văn N2; 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu đen (màng hình bị nứt) và số tiền

400.000 đồng thu của bị cáo Phạm Trường T2. Bị cáo T2 và bị cáo N2 sử dụng điện thoại để liên lạc mua bán xe lấy trộm, còn số tiền 400.000 đồng là tiền thu lợi bất chính từ việc bán xe trộm cắp có được cần tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

Đối với số tiền 3.900.000 đồng, trong đó của bị cáo Trương Hoài P là 1.650.000 đồng, của bị cáo Nguyễn Văn V là 1.600.000 đồng, của bị cáo Phạm Trường T2 là 650.000 đồng (bị cáo Phạm Trường T2 đã bị tịch thu số tiền 400.000 đồng) do các bị cáo bán xe mô tô trộm cắp có được là tiền thu lợi bất chính. Cần buộc bị cáo Trương Hoài P nộp số tiền 1.650.000 đồng, buộc bị cáo Nguyễn Văn V nộp số tiền 1.600.000 đồng và buộc bị cáo Phạm Trường T2 nộp số tiền 250.000 đồng để sung vào Ngân sách Nhà nước.

Quá trình điều tra Cơ quan điều tra có sao chép vào 01 đĩa DVD đoạn ghi hình tại nhà trọ 666, thời điểm các bị cáo trộm cắp xe rồi đem về cất giấu và sao chép vào 03 đĩa DVD ghi âm, ghi hình ảnh hỏi cung các bị cáo cần lưu theo hồ sơ để làm chứng cứ.

[14] Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội; nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, xét thấy mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với các bị cáo là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[15] Về án phí sơ thẩm: Các bị cáo Trương Hoài P, Nguyễn Văn V, Phạm Trường T2 và bị cáo Phạm Văn N2 phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Tuyên bố các bị cáo Trương Hoài P, Nguyễn Văn V phạm tội “Trộm cắp tài sản”; các bị cáo Phạm Trường T2, Phạm Văn N2 phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

- Căn cứ điểm a, g khoản 2 Điều 173; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Trương Hoài P 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07/12/2023.

- Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 173; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn V 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07/12/2023.

- Căn cứ khoản 1 Điều 323; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Phạm Trường T2 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07/12/2023.

- Căn cứ khoản 1 Điều 323; Điều 36; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Phạm Văn N2 01 (một) năm 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ.

Thời gian cải tạo không giam giữ được trừ vào thời gian bị tạm giữ từ ngày 07/12/2023 đến ngày 13/12/2023 là 06 (sáu) ngày = 18 (mười tám) ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian bị cáo Phạm Văn N2 còn phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ là 01 (một) năm 05 (năm) tháng 12 (mười hai) ngày.

Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an thị xã B, tỉnh Vĩnh Long nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Phạm Văn N2 cho Ủy ban nhân dân xã T, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long để giám sát, giáo dục. Gia đình của bị cáo Phạm Văn N2 có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã T, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp người chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo Trương Hoài P, Nguyễn Văn V, Phạm Trường T2 và Phạm Văn N2.

Về khấu trừ thu nhập: Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Phạm Văn N2.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ các Điều 584, 585, 589 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Ghi nhận sự tự nguyện của anh Lê Thanh P1 không yêu cầu bị cáo Phạm Trường T2 trả lại số tiền mua xe là 1.900.000 đồng.

3. Về biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017); Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Chấp nhận việc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B, tỉnh Vĩnh Long trả lại 01 chiếc xe mô tô loại Wave RS cho anh Nguyễn Văn H1; trả lại 01 chiếc xe mô tô Wave Alpha màu đỏ đen, biển số 64B1 - 708.63 cùng giấy chứng nhận đăng ký xe cho anh Lại Văn T4; trả lại 01 chiếc xe mô tô loại Blade cho anh Nguyễn Văn Thanh T5.

Giao xe mô tô loại xe Wave 110, có số khung: Không xác định, số máy: VHLFM152FMHV124299 và biển số xe 65H6 - 3445 cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B, tỉnh Vĩnh Long tiếp tục tạm giữ, khi nào làm rõ xử lý sau.

Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu "IQ00" màu đen (đã qua sử dụng) của bị cáo Phạm Văn N2; 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu đen (màng hình bị nứt, đã qua sử dụng) và số tiền 400.000 đồng của bị cáo Phạm Trường T2 theo biên lai thu tiền số No 0000350 ngày 19/02/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

Buộc bị cáo Trương Hoài P nộp số tiền 1.650.000 đồng; buộc bị cáo Nguyễn Văn V nộp số tiền 1.600.000 đồng và buộc bị cáo Phạm Trường T2 nộp số tiền 250.000 đồng để sung vào Ngân sách Nhà nước.

Lưu theo hồ sơ vụ án 01 đĩa DVD đoạn ghi hình tại nhà trọ 666, thời điểm các bị cáo trộm cắp xe rồi đem về cất giấu và 03 đĩa DVD ghi âm, ghi hình ảnh hồi cung các bị cáo để làm chứng cứ.

(Các tài sản, vật chứng hiện đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 19/02/2024 giữa Công an huyện B, tỉnh Vĩnh Long với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long).

4. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Trương Hoài P, Nguyễn Văn V, Phạm Trường T2 và bị cáo Phạm Văn N2, mỗi bị cáo nộp số tiền 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Các bị cáo, các bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Vĩnh Long (PKTNV và THA);
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Long;
- Công an tỉnh Vĩnh Long (Phòng hồ sơ);
- VKSND huyện Bình Tân;
- Công an huyện Bình Tân (CQTHAHS, CQĐT, NTG);
- Chi cục THADS huyện Bình Tân;
- UBND xã Thuận An, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long;
- Các bị cáo, những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đã ký**

**Huỳnh Thanh Hùng**